

Số: 11/2012/NQ-HĐND

Cao Bằng, ngày 05 tháng 07 năm 2012

NGHỊ QUYẾT

**Về Quy định hỗ trợ bồi dưỡng đối với vận động viên đạt đẳng cấp Quốc gia;
chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; chế độ bồi dưỡng đối
với học sinh trường năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh Cao Bằng**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

KHÓA XV KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 07 tháng 11 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Xét Tờ trình số 1373/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành Nghị quyết quy định hỗ trợ bồi dưỡng đối với vận động viên đạt đẳng cấp Quốc gia; chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; chế độ bồi dưỡng đối với học sinh trường năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh Cao Bằng;

Sau khi nghe báo cáo thẩm tra của các Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí quy định hỗ trợ bồi dưỡng đối với vận động viên đạt đẳng cấp Quốc gia; chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; chế độ bồi dưỡng đối với học sinh trường năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh Cao Bằng cụ thể như sau:

1. Đối tượng

a) Vận động viên năng khiếu, vận động viên các đội tuyển và huấn luyện viên các môn thể thao của tỉnh;

b) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các Tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, thư ký, công an, nhân viên y tế, lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ, nhân viên phục vụ làm nhiệm vụ các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp huyện theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

c) Học sinh năng khiếu tại trường năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh Cao Bằng.

2. Phạm vi áp dụng

a) Các lớp năng khiếu tập trung;

b) Đội tuyển trẻ của tỉnh;

c) Đội tuyển của tỉnh;

d) Đại học thể dục thể thao, hội thi thể thao và các giải thể thao cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia và quốc tế được tổ chức tại tỉnh Cao Bằng.

3. Thời gian áp dụng

Trong thời gian học tập tập trung, thời gian tập huấn chuẩn bị thi đấu; thời gian thi đấu, thời gian tổ chức và tham gia các giải thể thao, hội thi thể thao, đại hội thể dục thể thao theo điều lệ và theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

4. Nội dung chi và mức chi

a) Hỗ trợ bồi dưỡng đối với vận động viên đạt đẳng cấp Quốc gia

Vận động viên được cơ quan có thẩm quyền công nhận đạt đẳng cấp Quốc gia (từ cấp I trở lên) đang trong thời gian tập trung tập luyện tại Trường năng khiếu nghệ thuật và thể thao, Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao tỉnh Cao Bằng được hỗ trợ thêm mức bồi dưỡng, cụ thể như sau:

- Vận động viên cấp Kiện tướng: Tương đương 1,5 mức lương tối thiểu chung người/tháng;

- Vận động viên cấp I: Tương đương 1,0 mức lương tối thiểu chung người/tháng;

- Vận động viên chỉ được hưởng một mức cao nhất đối với trường hợp đạt được nhiều loại đẳng cấp trong năm.

b) Đối với các giải thi đấu thể thao

Chi bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các Tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, thư ký và chi bồi dưỡng lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ, công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ làm nhiệm vụ các giải thi đấu thể thao.

| TT | CHỨC DANH CHUYÊN MÔN | MỨC CHI |
|------------|--|------------------------------|
| I | Ban tổ chức cấp tỉnh | |
| 1 | Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó các Tiểu ban chuyên môn | không quá 80.000đ/người/ngày |
| 2 | Thành viên các Tiểu ban chuyên môn | không quá 60.000đ/người/ngày |
| 3 | Công an, y tế, bảo vệ trật tự, nhân viên phục vụ | không quá 45.000đ/người/buổi |
| II | Ban Tổ chức cấp huyện | |
| 1 | Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng, Phó các Tiểu ban chuyên môn | không quá 70.000đ/người/ngày |
| 2 | Thành viên các Tiểu ban chuyên môn | không quá 50.000đ/người/ngày |
| 3 | Công an, y tế, bảo vệ trật tự, nhân viên phục vụ | không quá 35.000đ/người/buổi |
| III | Trọng tài các giải cấp tỉnh | |
| 1 | Bóng đá (tính theo trận) | |
| | - Trọng tài chính, giám sát | không quá 85.000đ/trận |
| | - Trợ lý trọng tài; thư ký, trọng tài khác | không quá 60.000đ/trận |
| 2 | Bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném (tính theo trận) | |
| | - Trọng tài chính, giám sát | không quá 60.000đ/trận |
| | - Trợ lý trọng tài, thư ký, trọng tài khác | không quá 50.000đ/trận |
| 3 | Các môn thể thao khác (tính theo buổi) | |
| | - Trọng tài chính, giám sát | không quá 60.000đ/buổi |
| | - Thư ký, trọng tài khác | không quá 50.000đ/buổi |
| IV | Trọng tài các giải cấp huyện | |
| 1 | Bóng đá (tính theo trận) | |
| | - Trọng tài chính, giám sát | không quá 85.000đ/trận |
| | - Trợ lý trọng tài; thư ký, trọng tài khác | không quá 60.000đ/trận |

| | | |
|----------|---|------------------------|
| 2 | Bóng chuyền, bóng rổ, bóng ném (tính theo trận) | |
| 2.1 | Trọng tài chính, giám sát | không quá 50.000đ/trận |
| 2.2 | Trợ lý trọng tài, thư ký, trọng tài khác | không quá 40.000đ/trận |
| 3 | Các môn thể thao khác (tính theo buổi) | |
| 3.1 | - Trọng tài chính, giám sát | không quá 50.000đ/buổi |
| 3.2 | - Thư ký, trọng tài khác | không quá 40.000đ/buổi |
| | <p>- Đối với các đối tượng (nêu ở mục I, II), nếu tiền bồi dưỡng không tính theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế nhưng tối đa không vượt quá 03 buổi hoặc 03 trận đấu/người/ngày.</p> <p>- Tiền bồi dưỡng trong quá trình tổ chức giải cho các đối tượng (nêu ở mục I, II) bao gồm cả thời gian tối đa là 02 ngày trước khi tổ chức giải để làm công tác chuẩn bị, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu.</p> | |

c) Mức chi tổ chức đồng diễn thể dục, xếp chữ xếp hình, diễu hành trong các Đại hội thể dục thể thao cấp tỉnh, huyện:

- Chi sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn, xếp chữ xếp hình;
- Thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với các cá nhân, tổ chức;
- Mức chi căn cứ theo Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2002 của Chính Phủ quy định chế độ nhuận bút và Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-VHTT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chi trả chế độ nhuận bút, trích lập và sử dụng quỹ nhuận bút cho một số tác phẩm được quy định tại Nghị định số 61/2002/NĐ-CP.

- Bồi dưỡng cho các đối tượng tham gia tập luyện và biểu diễn:

| TT | NỘI DUNG CHI | MỨC CHI |
|----|--|------------------------------|
| 1 | Người tham gia tập luyện | không quá 30.000đ/người/buổi |
| 2 | Người tham gia tổng duyệt (tối đa 02 buổi) | không quá 40.000đ/người/buổi |
| 3 | Biểu diễn chính thức | không quá |

| | | |
|---|-----------------------------|---------------------------------|
| | | 70.000đ/người/buổi |
| 4 | Giáo viên quản lý hướng dẫn | không quá 60.000đ/người/buổi |

d) Chế độ bồi dưỡng đối với học sinh trường Năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh Cao Bằng

Chi trả chế độ bồi dưỡng cho học sinh trường Năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh Cao Bằng là 50.000đ/01 học sinh/ngày cho số học sinh đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ đào tạo.

e) Kinh phí thực hiện

Kinh phí chi trả hỗ trợ mức bồi dưỡng cho vận động viên đạt đẳng cấp Quốc gia: các giải thi đấu thể thao hàng năm và học sinh trường Năng khiếu nghệ thuật và thể thao tỉnh từ nguồn thu ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và được bố trí trong dự toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện với hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng Khóa XV kỳ họp thứ 4 thông qua./.

CHỦ TỊCH
(Đã ký)

Hà Ngọc Chiến